

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 7340101

*(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

Hà nội – 2022

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	4
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	4
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường.....	4
2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Quản trị và Marketing.....	5
3. Chuẩn đầu ra.....	6
3.1. Kiến thức	6
3.2. Kỹ năng	7
3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	8
3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	8
3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.....	9
3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo	9
4. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo	10
5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	10
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	10
5.2. Điều kiện tốt nghiệp	11
6. Phương pháp giảng dạy và học tập	11
7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	14
7.1. Các hình thức đánh giá	14
7.2. Điểm đánh giá học phần	16
8. Cấu trúc chương trình đào tạo	18
8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá	18
8.2. Nội dung chương trình đào tạo.....	18
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến	21
9. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra	22
10. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo.....	25
11. Mô tả tóm tắt học phần	26

12. Đối sánh chương trình đào tạo	51
12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	51
12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo	52
13. Hướng dẫn thực hiện	72
13.1. Nguyên tắc chung	72
13.2. Kế hoạch đào tạo	72

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục đích trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng quản trị để người học có thể hiểu và chủ động tham gia vào môi trường quản trị và kinh doanh hiện đại. Chương trình đào tạo được áp dụng bằng hệ thống đào tạo tín chỉ với tổng khối lượng kiến thức toàn khoá là 136 tín chỉ bao gồm các khối kiến thức đại cương (38 tín chỉ), khối kiến thức chuyên nghiệp (98 tín chỉ). Trong khối kiến thức chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành (24 tín chỉ), kiến thức chung của ngành (49 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (25 tín chỉ). Phần kiến thức cơ sở ngành là những kiến thức cơ bản về kinh tế, khoa học quản lý và pháp luật kinh doanh nhằm giúp người học có kiến thức căn bản về môi trường kinh doanh và các chức năng trong quản trị doanh nghiệp. Phần kiến thức chung của ngành là kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh có thể giúp người học có kiến thức nền tảng toàn diện về quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp. Phần kiến thức chuyên ngành là những kiến thức định hướng chuyên sâu và hiện đại về ngành quản trị kinh doanh được đặt trong mối quan hệ tương tác với các chức năng quản trị trong doanh nghiệp như quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực.v.v.. Chương trình dạy học được thiết kế theo một lộ trình linh hoạt cho phép người học có thể tự chủ động lên kế hoạch học tập và hoàn thành chương trình đào tạo theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường. Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đảm bảo cho người học đạt được một nền tảng kiến thức vững chắc, cùng với những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp trong kinh doanh để họ ra trường có thể đảm nhận ở các vị trí nhà quản trị chức năng và nắm bắt được cơ hội thăng tiến đến vị trí quản trị cấp cao trong các tổ chức và doanh nghiệp. Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo cũng đảm bảo có khả năng cần thiết cho mục tiêu khởi nghiệp và quản trị để phát triển bền vững doanh nghiệp mà họ tạo lập. Sinh viên tốt nghiệp cũng có đủ khả năng hội nhập vào đội ngũ nhân lực quản trị kinh doanh đạt chất lượng theo yêu cầu hội nhập và đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và đất nước đối với các lĩnh vực liên quan.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh còn nổi bật về tính cập nhật kiến thức hiện đại đối với các chức năng quản trị được thực thi trong tiến trình quản trị tại doanh nghiệp, đảm bảo tính linh hoạt trong tỷ lệ lựa chọn các học phần, tinh gọn trong số lượng chuẩn đầu ra và giảm bớt số lượng tín chỉ phải tích lũy trong toàn chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ hàng năm, được đối sánh với một số chương trình đào tạo uy tín trong nước và quốc tế, được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát, nghiên cứu nhu cầu của người học, cựu người học, chuyên gia, doanh nghiệp sử dụng lao động ngành quản trị kinh doanh và tổ chức xã hội nghề nghiệp. Thành công của chương trình đào tạo được thực hiện còn nhờ vào các hoạt động ngoại khoá hấp dẫn như: người học được tham gia câu lạc bộ kỹ năng và ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp, cuộc thi ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp được tổ chức hàng năm; tham gia các buổi tọa đàm hướng nghiệp, hội thảo khoa học chuyên ngành và các talkshow cùng với các chuyên gia, các CEO và các cựu sinh viên thành đạt; tham gia chương trình thực tế doanh nghiệp - OJT (On the job training) với các doanh nghiệp, tập đoàn đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Khoa và Nhà trường... Ngoài ra, sinh viên ngành quản trị kinh doanh còn có những cơ hội nhận học bổng hỗ trợ học tập của Nhà trường, học bổng khuyến học, học bổng tài trợ của các doanh nghiệp, cựu sinh viên, học bổng trao đổi học tập...

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1	Tên chương trình đào tạo:	CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH
2	Trình độ đào tạo:	Đại học
3	Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
4	Mã số:	7340101
5	Thời gian đào tạo	4 năm
6	Loại hình đào tạo:	Chính quy
7	Tên văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh Tiếng Anh: Bachelor in Business Administration
8	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
9	Ngày tháng ban hành/cập nhật:	/...../.....

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định

hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.1.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.1.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.1.4. Triết lý giáo dục

“Học tập để kiến tạo tương lai”.

2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Quản trị và Marketing

2.2.1. Sứ mạng

Khoa Quản trị và Marketing cam kết đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực ngành quản trị kinh doanh và ngành Marketing có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao, có năng lực tự chủ và khả năng ứng dụng nghề nghiệp vào thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2.2.2. Tầm nhìn

Khoa Quản trị và Marketing khát vọng trở thành một đơn vị đào tạo nguồn nhân lực trong ngành Quản trị kinh doanh và Marketing theo định hướng ứng dụng có uy tín trong nước và đạt chuẩn khu vực.

2.2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; tương thích, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Quản trị và Marketing nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn, vận dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, có tư duy hiện đại, có tinh thần và năng lực khởi nghiệp, năng lực nghiên cứu, học tập và tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

- MT1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính

trị, pháp luật, kinh tế và quản lý để tham gia điều hành các hoạt động của doanh nghiệp.

- MT2: Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về phân tích môi trường, thiết lập và phát triển các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, vận dụng được kiến thức để tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ.

- *Về kỹ năng*

- MT3: Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn để giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp liên quan tới hoạt động quản trị và kinh doanh trong các tổ chức.

- MT4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ cho các hoạt động nghề nghiệp, từ đó nâng cao khả năng thích nghi, hoà nhập với môi trường đa ngành và đa văn hoá để phát huy tối đa năng lực cá nhân.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- MT5: Phát triển khả năng tự chủ trong công việc và có trách nhiệm thực hiện tốt công việc chuyên môn một cách sáng tạo, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với xã hội.

- *Trình độ tin học, ngoại ngữ*

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

- CĐR1: Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

- CĐR2: Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

- CĐR 3: Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.

- CĐR 4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*).

- CĐR 5: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT*). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

- CĐR 6: Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, khoa học quản lý và pháp

luật kinh doanh vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

- CDR 7: Phân tích và thực thi được các quyết định cơ bản trong quản trị doanh nghiệp, như quyết định về nhân sự, sản xuất, tài chính, marketing, bán hàng...

- CDR 8: Đánh giá được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hoá từ đó nhận diện được chiến lược kinh doanh và sự đóng góp của các chiến lược chức năng vào việc thực thi chiến lược kinh doanh của một tổ chức.

- CDR 9: Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh nhằm nâng cao năng lực quản trị để phát triển các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, như kiến thức về chuỗi cung ứng, đổi mới sáng tạo, cải tiến năng suất và chất lượng, quản trị dự án, thương hiệu, thương mại điện tử, giao dịch và đàm phán kinh doanh...

- CDR 10: Sử dụng được các kiến thức của quản trị kinh doanh để nhận diện được cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng kinh doanh sáng tạo, tạo lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp, thực hiện được các nghiên cứu mang tính thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- CDR 11: Thực hiện được kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động.

- CDR 12: Thực hiện được kỹ năng phân tích, xây dựng, triển khai, đánh giá các kế hoạch tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động.

- CDR 13: Vận dụng kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin môi trường kinh doanh và thị trường để phát hiện, đánh giá và lựa chọn các phương án, dự án và chính sách về kinh doanh.

- CDR 14: Hình thành được khả năng tư duy hệ thống, phát triển và sáng tạo các phương pháp giải quyết vấn đề mới phát sinh trong công việc.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- CDR 15: Giao tiếp hiệu quả trong việc thương lượng, đàm phán và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh.

- CDR 16: Triển khai được kỹ năng làm việc nhóm (thành lập, lãnh đạo, tổ chức hoạt động, hợp tác và phát triển nhóm) hiệu quả trong công việc chuyên môn.

- CDR 17: Hình thành được khả năng tự học và làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học để phát triển nghề nghiệp.

- CDR 18: Có khả năng sử dụng một số phần mềm dùng cho ngành để phân tích và xử lý dữ liệu AMIS, SPSS, EXCEL...

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CDR 19: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

- CDR 20: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

3.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- *Nhóm 1: Các cơ quan quản lý Nhà nước*

Vị trí: chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; chuyên viên hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực; quản lý thị trường và thương mại,...

- *Nhóm 2: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu*

Vị trí: trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu,... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát triển các ý tưởng sáng tạo, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh cho mọi tổ chức thuộc chính phủ, phi chính phủ và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- *Nhóm 3: Các doanh nghiệp sản xuất*

Vị trí: có thể đảm nhận tốt các vị trí nhân viên/ trợ lý/ chuyên viên tại các bộ phận chức năng sau của doanh nghiệp:

- + Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh
- + Bộ phận quản trị dự án kinh doanh
- + Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực
- + Bộ phận quản trị tác nghiệp
- + Bộ phận quản trị tài chính
- + Bộ phận quản trị chất lượng,...

Sau thời gian làm việc, tích lũy kinh nghiệm, có thể đảm nhận những vị trí cao cấp như: giám sát/quản lý/trưởng phòng/giám đốc tại các công ty trong nước và nước ngoài.

- *Nhóm 4: Doanh nghiệp thương mại*

Vị trí: làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp:

+ Bộ phận thuộc chức năng như marketing, bán hàng, logistics và quản lý chuỗi cung ứng,...

+ Bộ phận nghiên cứu và dự báo thị trường,....

- *Nhóm 5: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*

Vị trí: sau khi tốt nghiệp người học có thể là chuyên viên có năng lực, có khả năng tự bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm để trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực tự chủ kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (*Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*);

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại (<https://quantrikinhdoanh.tmu.edu.vn/vi/news/dao-tao/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-kinh-doanh-nam-2019-195.html>);

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (<https://ueb.edu.vn/Dao-Tao/UEB/Chuong-trinh-dao-tao-nganh-Quan-tri-kinh-doanh-ap-dung-tuyen-sinh-tu-nam-2022/1665/1667/1670/32191>);

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng quát của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (<http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaogioithieu/cid/2675>);

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Cần Thơ (*Ban hành theo Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ*);

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (*Ban hành theo Quyết định số 368/QĐ-NTT ngày 26 tháng 06 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành*);

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (*Nguồn: <https://tuyensinh.hcmiu.edu.vn/tra-cuu/quan-tri-kinh-doanh/>*);

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Latrobe (Úc) (<https://www.latrobe.edu.au/handbook/2020/undergraduate/assc/business/business-majors.htm>);

+ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

4. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17	CĐR18	CĐR19	CĐR20
MT1	X	X	X	X	X	X	X													
MT2								X	X	X	X									
MT3											X	X	X	X						
MT4															X	X	X	X		
MT5																			X	X

5. TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (<https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh>)

+ Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Năm 2022, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có 04 phương thức tuyển sinh:

1) Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

2) Phương thức 2: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT

3) Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT

4) Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định trong Quy chế;

c) Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, tin học theo quy định của Nhà trường với từng đối tượng và thời điểm;

đ) Có các chứng chỉ hoặc chứng nhận giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được triển khai giảng dạy theo phương pháp giảng dạy tích cực thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Quản trị và Marketing đã xây dựng các chiến lược giảng dạy – học tập. Việc lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

vừa phải đảm bảo phù hợp đặc thù của khoa, vừa trang bị cho sinh viên các kiến thức, các kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Sinh viên sẽ sử dụng phương pháp học tập chủ động, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như học với nhóm, thuyết trình, tăng cường thảo luận, nghiên cứu tình huống, đề án môn học, mở rộng phạm vi học tập... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn ngành quản trị kinh doanh, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm bổ trợ cần thiết cho phát triển nghề nghiệp và thúc đẩy động cơ khởi nghiệp.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các phương pháp giảng dạy và học tập chủ yếu được sử dụng như sau:

Chiến lược dạy và học	Mô tả và áp dụng	Phương pháp dạy và học
Giảng dạy trực tiếp	- Mô tả: hầu hết các học phần lý thuyết trong CTĐT ngành QTKD có sử dụng phương pháp thuyết trình (thuyết giảng), vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar. - Áp dụng: hầu hết các học phần lý thuyết trong CTĐT có sử dụng phương pháp này.	• Thuyết giảng/Giải thích cụ thể/Bài giảng trực tiếp • Thảo luận • Câu hỏi gợi ý • Hướng dẫn mẫu • Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	- Mô tả: một số học phần trong khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy gián tiếp, giảng viên ít có sự can thiệp vào quá trình học của sinh viên, các môn học được chọn lựa trong CTĐT ngành QTKD có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên vấn đề, yêu cầu đề bài thực tập, tình huống, người học được tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, môi trường thực tập và nguồn lực khác cho hoạt động học tập các học phần này. - Áp dụng: các học phần thực tập nghề nghiệp, thực tập cuối khoá, tiểu luận môn học, luận văn tốt nghiệp có trong CTĐT.	• Đặt vấn đề/Ra yêu cầu đề bài/tình huống • Nghiên cứu giải quyết vấn đề • Nghiên cứu giải quyết tình huống • Xây dựng ý tưởng/kế hoạch
Học tập qua trải nghiệm	- Mô tả: một số học phần có trong CTĐT ngành QTKD được thiết kế học tập trải nghiệm thuộc khối kiến thức chung của ngành và chuyên ngành, sinh	• Học qua mô phỏng • Hình ảnh tập trung • Đóng vai

Chiến lược dạy và học	Mô tả và áp dụng	Phương pháp dạy và học
	viên được trang bị học tập thực hành tại phòng thực hành nghề, phần mềm mô phỏng nghiệp vụ, học tập thực tế tại doanh nghiệp. - Áp dụng: các học phần thực tập có sử dụng phần mềm ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp, tiểu luận môn học, thực tập cuối khoá tại doanh nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.	• Tranh luận • Thực tế • Thực nghiệm
Giảng dạy định hướng hợp tác nhóm	- Mô tả: được thực hiện hầu hết trong các học phần của CTĐT ngành QTKD. Sinh viên được giao bài tập, câu hỏi thảo luận nhóm, thuyết trình theo nhóm. - Áp dụng: ở hầu hết các học phần lý thuyết thuộc khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp, mỗi học phần lý thuyết thường được bố trí 2-3 buổi thảo luận trực tiếp trên lớp và 2-3 buổi trực tuyến tùy thuộc vào thời lượng của mỗi học phần. Một số học phần thực hành cũng được giảng viên tổ chức cho thực hành theo nhóm, thực tập cuối khoá tại doanh nghiệp cũng có thể được tổ chức theo nhóm.	• Câu hỏi/yêu cầu, gợi mở • Tranh luận • Thảo luận • Giải quyết vấn đề • Công não • Học tập nhóm • Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập/ tự học	- Mô tả: được thực hiện ở các học phần mà sinh viên được giảng viên giao bài tập cá nhân, bài tập lớn, đề tài tiểu luận, đề tài nghiên cứu (SV được GV tư vấn hướng dẫn lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học). Yêu cầu sinh viên phải năng động mới có thể hoàn thành yêu cầu học tập độc lập. - Áp dụng: các học phần có bài tập lớn, thiết kế trong môn học khóa luận tốt nghiệp, trình bày khóa luận, các tiểu luận môn học, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo môn học, trình bày kế hoạch và học tập tự do – tự nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan.	• Bài tập cá nhân/ phân công công việc cá nhân • Đánh giá bài tập lớn • Đề tài nghiên cứu/ luận văn/ dự án nghiên cứu
Ứng dụng dựa trên kết hợp công nghệ/ phương tiện truyền thông	- Mô tả: sử dụng các công nghệ giảng dạy điện tử, di động và phần mềm ứng dụng giảng dạy trực tuyến trong việc dạy và học. Hầu hết các học phần trong CĐT được thực hiện dựa trên việc kết hợp bài giảng, tài liệu, hình ảnh, âm thanh, video, các nguồn tài nguyên web, các thiết bị tương tác trực tuyến... trong bài học. Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp kết hợp với trực tuyến	• Phương pháp học trực tuyến dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin • Giảng viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình

Chiến lược dạy và học	Mô tả và áp dụng	Phương pháp dạy và học
	(Blended Learning). - Áp dụng: Áp dụng với hầu hết các học phần trong CTĐT.	dạy và học (LMS, E learning, google meet, Facebook, Zalo ...)

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của CTĐT và phương pháp dạy – học

Phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17	CĐR18	CĐR19	CĐR20
Phương pháp thuyết giảng/thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp nghiên cứu tình huống/giải quyết tình huống	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
Phương pháp thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
Phương pháp tranh luận/phản biện	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
Phương pháp tập kích não	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
Phương pháp làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
Phương pháp đóng vai							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phương pháp đề tài/dự án nghiên cứu							x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x
Phương pháp giao bài tập, kiểm tra cá nhân	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x			x			x	x
Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế								x	x	x	x	x	x						x	x
Phương pháp học trực tuyến	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHKTTCN, ngày 10 tháng

09 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng. Với mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần. Để đảm bảo việc đánh giá chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục quá trình học tập của người học mỗi học phần đều được nêu rõ các phương pháp đánh giá, thời điểm đánh giá, trọng số điểm cụ thể trong đề cương chi tiết học phần có trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho sinh viên vào tiết học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng chính trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:

(1). *Đánh giá chuyên cần - Attendance Check*: Đánh giá việc có mặt thường xuyên của sinh viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của người học đối với học phần đó. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đều phải áp dụng phương pháp này.

(2). *Đánh giá bài tập – Work Assignment*: Người học được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa vào những tiêu chí đã được thông báo trước.

(3). *Đánh giá thuyết trình – Oral Presentation*: Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cũng được đánh giá theo tiêu chí cụ thể mà giảng viên nêu ra ở buổi học đầu tiên của học phần.

(4). *Đánh giá theo hình thức tự luận - Essay*: Người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần.

(5). *Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm - Multiple choice exam*: Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

(6). *Đánh giá theo hình thức thi vấn đáp – Oral Exam*: Người học được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp với giảng viên được phân công đánh giá. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Phần lớn các học phần trong chương trình đào tạo nếu áp dụng hình thức học trực tuyến cũng áp dụng hình thức đánh giá này. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có ngân hàng câu hỏi, có tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá cụ thể.

(7). *Đánh giá theo hình thức thực hành (hoạt động) – Performance test*: Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần. Phương pháp đánh giá này được áp dụng cho các học phần thực hành nghề nghiệp có áp dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành để phân tích và xử lý dữ liệu, tin ứng dụng trong kinh doanh.

(8). *Đánh giá theo hình thức viết báo cáo - Written Report*: Người học được giảng viên yêu cầu viết báo cáo dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một phương pháp nhất định. Viết báo cáo thường được sử dụng sau khi người học thực hiện các bài thực hành cụ thể trong các học phần thực hành nghề nghiệp, đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp đối với học phần thực tập cuối khoá hoặc nghiên cứu một tình huống cụ thể.

(9). *Đánh giá theo hình thức khảo sát thực địa, thực tập - Field Work, Internship*: Gồm các hoạt động thực tập thực tế để đánh giá người học thông qua các nhiệm vụ cụ thể tại cơ sở làm việc. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu công việc tại cơ sở thực tập. Việc đánh giá được thực hiện bởi giảng viên hoặc cán bộ trực tiếp giám sát tại nơi làm việc.

(10). *Đánh giá theo hình thức báo cáo khoá luận – Graduation Thesis/Report*: Trong phương pháp này, người học được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá khoá luận tốt nghiệp. Sinh viên thuyết trình báo cáo khoá luận của mình trước Hội đồng, giảng viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và đặt câu hỏi. Sinh viên trả lời trực tiếp câu hỏi. Phương pháp đánh giá này được sử dụng trong học kỳ cuối của chương trình đào tạo để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với những sinh viên đủ điều kiện thực hiện và bảo vệ khoá luận theo quy định. Hội đồng đánh giá sẽ cho điểm theo các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong Quyết định Số: 828/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp về việc hướng dẫn và đánh giá khoá luận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

7.2. Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

* Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.

* Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

* Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

* Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

* Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

* Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm.

Ghi chú:

+ Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp, cụ thể như sau:

(Thời gian tham gia học tập trên lớp do giảng viên cập nhật hàng tuần, phần mềm tự tính):

- * Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 10 điểm.
- * Có nghỉ học; nghỉ học dưới 10% số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- * Nghỉ học từ 10% trở lên; dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- * Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 35% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- * Nghỉ học từ 35% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- * Nghỉ học từ 50% trở lên: 0 điểm.

+ Điểm chuyên cần có hệ số 1.

Ghi chú:

Sinh viên nghỉ học trên 50% số tiết trong chương trình sẽ bị cấm thi (cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ), điểm thi được tính là 0 điểm.

+ Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

8. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (chiếm 27,9 %)
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (chiếm 72,1 %)
 - Phần lý thuyết 66 tín chỉ (chiếm 67,3 %)
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 23 tín chỉ (chiếm 23,5 %)
 - Khoá luận tốt nghiệp 09 tín chỉ (chiếm 9,2 %)

8.2. Nội dung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)					

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mac-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ (chọn 3 tín chỉ trong các học phần)		3		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUĐ	1	(15, 0, 30)	x
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUĐ	1	(15, 0, 30)	x
002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	QT&MAR	1	(15, 0, 30)	x
001718	4. Kỹ năng trình diễn vấn đề	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
000569	5. Soạn thảo văn bản	DLKS	2	(26, 8, 60)	
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)					

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		24		
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>		20		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000519	3. Văn hoá kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39, 12, 90)	x
001201	5. Quản trị học	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001109	6. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	KT	3	(39, 12, 90)	x
000568	8. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các học phần)</i>		4		
001269	1. Nguyên lý thống kê và thống kê KD	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
001619	3. Kế toán quản trị	KT	2	(26, 8, 60)	
000456	4. Kinh tế đầu tư	DLKS	2	(26, 8, 60)	
000563	5. Kinh tế quốc tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		49		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		34		
001104	1. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000497	2. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000970	3. Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001345	4. Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
001371	6. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001426	7. Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001427	8. Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001392	9. Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001108	10. Thực hành Quản trị tài chính	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
001324	11. Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001106	12. Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần)</i>		15		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001618	2. Quản trị du lịch và khách sạn	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	
001370	3. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39, 12, 90)	x
001714	4. Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	
002062	5. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001617	6. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	
001616	7. Nghệ thuật lãnh đạo	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	
001373	8. Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
001614	9. Thực hành Marketing trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	
001613	10. Thực hành quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	
001105	11. Tin ứng dụng trong kinh doanh	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001615	12. Thực hành quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành		25		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001253	2. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
001893	4. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0, 540, 0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001288	1. Thương mại điện tử	TM	3	(39, 12, 90)	x
001612	2. Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001289	3. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x

8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I		Học kỳ 1		16
1	001535	Triết học Mac-Lênin	Bắt buộc	3

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
2	001102	Xác suất thống kê	Bắt buộc	3
3	000564	Kinh tế vi mô	Bắt buộc	2
4	001201	Quản trị học	Bắt buộc	3
5	000585	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2
6	000519	Văn hoá kinh doanh	Bắt buộc	2
7	000718	Giáo dục thể chất 1	Bắt buộc	1
II		Học kỳ 2		19
1	001053	Toán ứng dụng trong kinh tế	Bắt buộc	3
2	000565	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc	2
3	001942	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	4
4	001104	Marketing căn bản	Bắt buộc	3
5	001109	Tài chính - Tiền tệ	Bắt buộc	3
6	000681	Lý thuyết hạch toán kế toán	Bắt buộc	3
7	000719	Giáo dục thể chất 2	Bắt buộc	1
III		Học kỳ 3		19
1	001536	Kinh tế chính trị Mac-Lênin	Bắt buộc	2
2	001717	Kế toán doanh nghiệp	Bắt buộc	3
3	001943	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4
4	000568	Pháp luật kinh tế	Bắt buộc	2
5	001105	Tin ứng dụng trong kinh doanh	Tự chọn	3
6	000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Tự chọn	2
7	002151	Kỹ năng nhận thức bản thân	Tự chọn	1
8	002238	3. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	Tự chọn	1
9	000739	Giáo dục thể chất 3	Bắt buộc	1
IV		Học kỳ 4		20
1	001537	CNXH Khoa học	Bắt buộc	2
2	000497	Quản trị nhân lực	Bắt buộc	3
3	001269	Nguyên lý thống kê và thống kê KD	Tự chọn	2
4	001944	Tiếng Anh 3	Bắt buộc	4
5	000740	Giáo dục thể chất 4	Bắt buộc	1
6	002200	Giáo dục quốc phòng - HP1	Bắt buộc	3
7	002201	Giáo dục quốc phòng - HP2	Bắt buộc	2
8	002202	Giáo dục quốc phòng - HP3	Bắt buộc	1
9	002203	Giáo dục quốc phòng - HP4	Bắt buộc	2
V		Học kỳ 5		20

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	000573	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
2	001345	Thực hành quản trị nhân lực	Bắt buộc	3
3	001945	Tiếng Anh 4	Bắt buộc	4
4	000970	Quản trị tài chính	Bắt buộc	3
5	001426	Quản trị chiến lược	Bắt buộc	3
6	001392	Quản trị bán hàng	Bắt buộc	3
7	001349	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	Bắt buộc	2
VI		Học kỳ 6		19
1	001538	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
2	001427	Quản trị sản xuất	Bắt buộc	3
3	001324	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bắt buộc	3
4	001371	Quản trị hành chính văn phòng	Bắt buộc	3
5	001108	Thực hành quản trị tài chính	Bắt buộc	2
6	001893	Thực hành mô phỏng chiến lược	Bắt buộc	3
7	001373	Thực hành quản trị bán hàng	Tự chọn	3
VII		Học kỳ 7		21
1	001106	Quản trị kinh doanh quốc tế	Bắt buộc	3
2	001253	Quản trị dự án	Bắt buộc	3
3	001254	Quản trị chất lượng	Bắt buộc	3
4	000516	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	Bắt buộc	2
5	001107	Quản trị Marketing	Tự chọn	3
6	001370	Quản trị chuỗi cung ứng	Tự chọn	3
7	002129	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	Tự chọn	1
8	002062	Quản trị đổi mới sáng tạo	Tự chọn	3
VIII		Học kỳ 8		14
1	000899	Thực Tập cuối khoá ngành QTMK	Bắt buộc	5
	001604	<i>Khoá luận tốt nghiệp/HP Thay thế KL</i>		
2	001288	Thương mại điện tử	Thay thế KL	3
3	001612	Quản trị thương hiệu	Thay thế KL	3
4	001289	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Thay thế KL	3
Cộng:				148

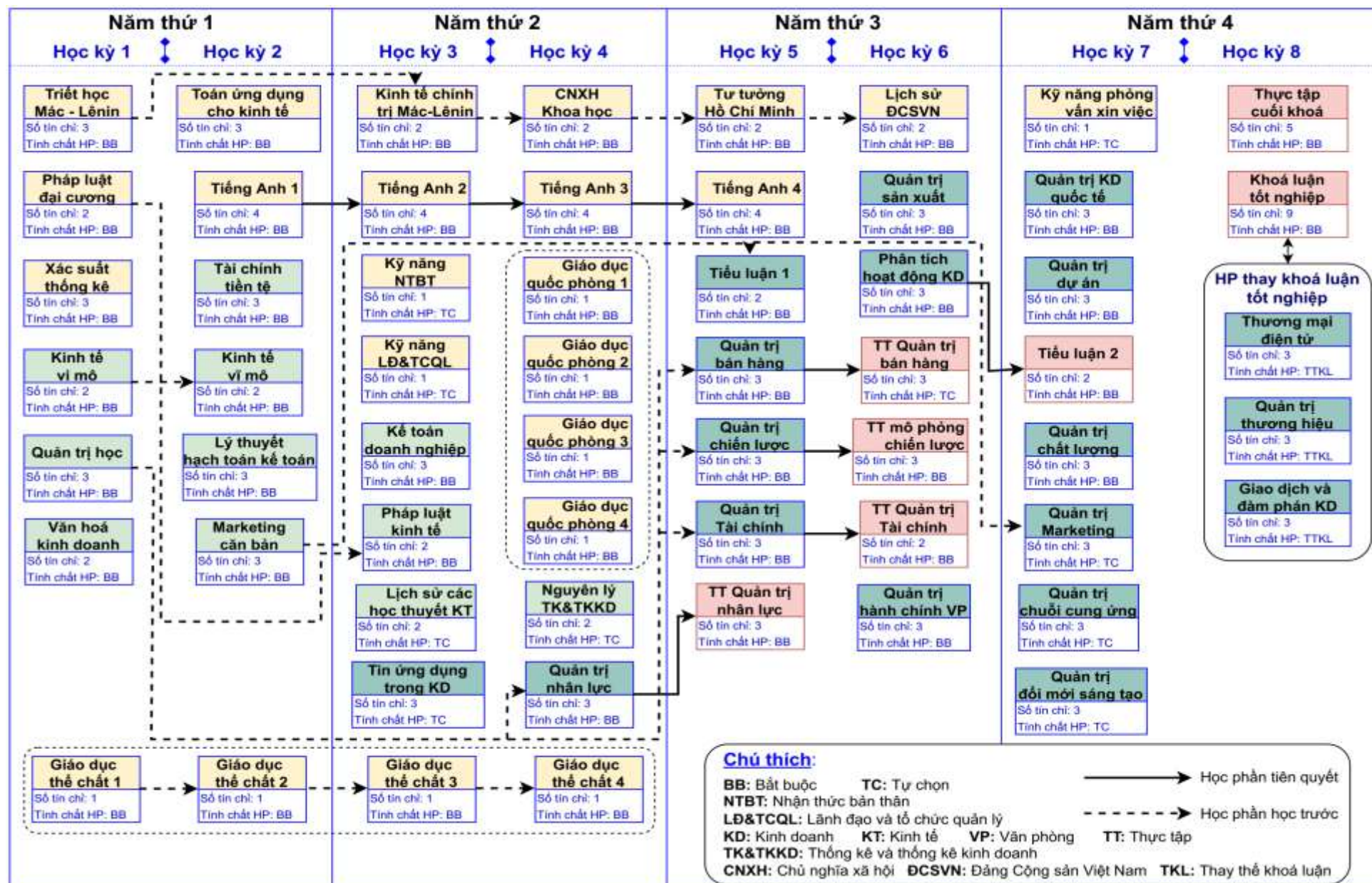
9. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN THEO YÊU CẦU NĂNG LỰC CỦA CHUẨN ĐẦU RA

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.2.1
1	Triết học Mác-Lênin	2	2														2			2	2
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2														2			2	2
3	CNXH Khoa học	2	2														2			2	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2														2			2	2
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2														2			2	2
6	Pháp luật đại cương		2													2				2	2
7	Toán ứng dụng trong kinh tế		2									1						2		2	1
8	Xác suất thống kê		2									1						2		2	1
9	Tiếng Anh 1					3										2	2			2	2
10	Tiếng Anh 2					3										2	2			2	2
11	Tiếng Anh 3					3										2	2			2	2
12	Tiếng Anh 4					3										2	2			2	2
13	Kỹ năng phỏng vấn xin việc															2				1	2
14	Kỹ năng nhận thức bản thân															2				1	1
15	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD						1	3							2		2	2		2	2
16	Kỹ năng trình diễn vấn đề						3	3								2	2			2	2
17	Soạn thảo văn bản		2									2						2		2	2
18	Giáo dục thể chất 1			2													2			1	1
19	Giáo dục thể chất 2			2													2			1	1
20	Giáo dục thể chất 3			2													2			1	1
21	Giáo dục thể chất 4			2													2			1	1
22	Giáo dục quốc phòng - HP1			2													2			1	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.2.1
23	Giáo dục quốc phòng - HP2			2													2			1	2
24	Giáo dục quốc phòng - HP3			2													2			1	2
25	Giáo dục quốc phòng - HP4			2													2			1	2
26	Kinh tế vi mô						4					2			2		2			2	2
27	Kinh tế vĩ mô						4					2					2			2	2
28	Văn hoá kinh doanh						2					2					2			2	2
29	Lý thuyết hạch toán kế toán						3								4	2				2	2
30	Quản trị học						3									2	2	2		2	2
31	Tài chính - Tiền tệ						3	3						2	2		2	2		2	2
32	Kế toán doanh nghiệp						3	4				3		3			2			2	2
33	Pháp luật kinh tế						2	2					2	2		2	2			2	2
34	Nguyên lý thống kê và thống kê KD						3	5				2	2		2	2				2	2
35	Lịch sử các học thuyết kinh tế						4					2					2			2	2
36	Kế toán quản trị						3	2		3					1	1	2			2	2
37	Kinh tế đầu tư						2					2					2			2	1
38	Kinh tế quốc tế						3							3			2			2	2
39	Marketing căn bản							4					3	3	3	2	2			2	2
40	Quản trị nhân lực							4		3				2	2		2			2	2
41	Quản trị tài chính							3	3		4	2		3	3			2		2	2
42	Thực hành quản trị nhân lực							5						4		2	2		3	2	2
43	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và DB thị trường							4						3					3	2	2
44	Quản trị hành chính văn phòng							3							2		2			2	2
45	Quản trị chiến lược								4			2					2			2	2
46	Quản trị sản xuất							3	4			2	2					2		2	2
47	Quản trị bán hàng							3		3	4		2	2		2	2			2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
		Kiến thức (thang Bloom) (1-6)										Kỹ năng (thang Dave 1975) (1-5)								Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl 1973) 1-5	
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20
		1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.2.1	1.3.1	1.4.1	1.4.2	1.4.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	3.1.1	3.2.1
48	Thực hành quản trị tài chính							4	4		5		3				2	2		2	2
49	Phân tích hoạt động kinh doanh							2	3					2	2	2	2			2	2
50	Quản trị kinh doanh quốc tế							3	4			2	2	2		2	2			2	2
51	Quản trị Marketing							4					2	2			2	2		2	2
52	Quản trị du lịch và khách sạn								2	2	2	2	2	2						2	2
53	Quản trị chuỗi cung ứng									4		2	2			2				2	2
54	Quản trị doanh nghiệp thương mại						2	3					2				2			2	2
55	Quản trị đổi mới sáng tạo									2	4	2				2		2		2	2
56	Quản trị nhóm làm việc						3			3		2				2	3	2		2	2
57	Nghệ thuật lãnh đạo						3						2				2	2		2	2
58	Thực hành quản trị bán hàng							4					3						3	2	2
59	Thực hành Marketing trong doanh nghiệp							3				2	2	2			2			2	2
60	Thực hành quản trị kinh doanh quốc tế								4			3		3			3			2	2
61	Tin ứng dụng trong kinh doanh				3			2		3								3	3	2	2
62	Thực hành quản trị hành chính văn phòng				3			3							3		2			2	2
63	Quản trị chất lượng									3			2						2	2	2
64	Quản trị dự án							3		3			2	3		3	2			2	2
65	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động KD							4	5				2	3					3	2	2
66	Thực hành mô phỏng chiến lược								5			2			2		2			2	2
67	Thực Tập cuối khoá ngành QTMK						3	3	5	5	5	3	3	3	3	2	2			2	2
68	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTMK							4	5	5	5	4	4	4	4	2	2			2	2
69	Thương mại điện tử									3				3			2		2	2	2
70	Quản trị thương hiệu									3				2		2				2	2
71	Giao dịch và đàm phán kinh doanh							3		3			2	2			2			2	2

10. SƠ ĐỒ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



11. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)

(1). Triết học Mác-Lênin

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3 (33, 24, 90)
- Học phần tiên quyết: Không có
- Học phần học trước: Không có
- Tóm tắt nội dung học phần:

Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

(2). Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Số TC: 2

- Phân bố thời gian học tập: 2 (21, 18, 60)
- Học phần tiên quyết: Không có
- Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của Kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam...

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình

đào tạo của nhà trường. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

(3). Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

(4). Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; Kinh tế Chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

(5). Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (21, 18, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không có
- *Học phần học trước:* Triết học Mác-Lênin; Kinh tế Chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

(6). Pháp luật đại cương

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* **Không có**
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

(7). Toán ứng dụng trong kinh tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* **Không có**
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Toán ứng dụng cho kinh tế là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành kinh tế, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế; kiến thức đại số tuyến tính như ứng dụng ma trận, hệ phương trình tuyến tính trong các bài toán kinh tế. Kiến thức về ứng dụng bài toán quy hoạch tuyến tính; sơ đồ mạng lưới Pert trong lập các mô hình kinh tế.

(8). Xác suất thống kê

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* **Không có**
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

(9). Tiếng Anh 1

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (48, 24, 120)
- *Học phần tiên quyết:* Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200
- *Học phần học trước:* Không có
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

(10). Tiếng Anh 2

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập:* 4 (48, 24, 120)
- *Học phần tiên quyết:* Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275
- *Học phần học trước:* Tiếng Anh 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói,

đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 2 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

(11). Tiếng Anh 3

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48, 24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 3 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực.

Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

(12). Tiếng Anh 4

Số TC: 4

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48, 24, 120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 2, Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần tiếng Anh 4 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nâng cao, giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tạo nền tảng cho việc phát triển nghề nghiệp tương lai. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Học phần tiếng Anh 4 giúp người học phát triển các khối kiến thức nâng cao về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, hội họp, đàm phán, điện thoại và giao tiếp xã hội. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề một cách chủ động.

Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Ngữ pháp tổng hợp của từng bài.

(13). Kỹ năng phỏng vấn xin việc

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả như: (Khái niệm, tầm quan trọng, nguyên nhân, qui trình, nguyên tắc, yêu cầu, kỹ thuật viết CV, kỹ thuật trả lời câu hỏi, các dạng câu hỏi trong phỏng vấn) và các kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và viết CV; Kỹ năng chuẩn bị cho bản thân khi phỏng vấn; kỹ năng trả lời câu hỏi hiệu quả; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu vấn đề.

(14). Kỹ năng nhận thức bản thân

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Kỹ năng nhận thức bản thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần giúp cho sinh viên có sự hiểu biết

chính xác về bản thân, bao gồm ưu điểm và khuyết điểm, tư duy, cảm xúc và những động lực thúc đẩy bản thân trong cuộc sống.

Kỹ năng này giải thích những thành công cũng như những thất bại của chúng ta, cho chúng ta biết chúng ta là ai và chúng ta cần gì từ đồng đội của mình để tạo nên một tập thể đoàn kết. Kỹ năng nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng tự nhận thức của bản thân đối với công việc và cuộc sống cá nhân.

(15). Kỹ năng nghề nghiệp – QTKD

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1(15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng cơ bản của lãnh đạo, tổ chức quản lý doanh nghiệp; kỹ năng phát triển năng lực lãnh đạo và quản lý bản thân; kỹ năng quản lý công việc hiệu quả; kỹ năng quản lý mối quan hệ và truyền cảm hứng; kỹ năng xây dựng tầm nhìn và ra quyết định.

(16). Kỹ năng trình diễn vấn đề

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần “Kỹ năng trình diễn vấn đề” là học phần tự chọn được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản kết hợp các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về hoạt động thuyết trình. Qua đó giúp cho người học hình thành kỹ năng thuyết trình về các nội dung học thuật và các chủ đề cơ bản trong quá trình học tập cũng như ngoài xã hội, hình thành thái độ yêu thích thuyết trình, có ý thức ảnh hưởng đến người khác thông qua những nội dung mà mình thuyết trình.

(17). Soạn thảo văn bản

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần soạn thảo văn là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Quản trị kinh doanh cho trình độ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nội dung và thể thức trình bày trong soạn thảo và ban hành văn bản hành

chính và văn bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có khả năng kiểm tra, rà soát và xử lý các văn bản của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

(18). Giáo dục thể chất 1

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

(19). Giáo dục thể chất 2

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập hỗ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

(20). Giáo dục thể chất 3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giáo dục thể chất 3 nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4.

(21). Giáo dục thể chất 4

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (0, 30, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất 4 nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về lý thuyết và thực hành

- Về lý thuyết: Sinh viên được trang bị những kiến thức về cơ sở khoa học của môn học.

- Về thực hành: Sinh viên được trang bị kỹ thuật tay cơ bản nâng cao hơn so với học phần 1

(22). Giáo dục quốc phòng - HP1

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (37, 8, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt nam là học phần bắt buộc, thuộc phần kiến thức chung nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc

phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân, có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

(23). Giáo dục quốc phòng – HP2

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (22, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn giao thông, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

(24). Giáo dục quốc phòng – HP3

Số TC: 1

- *Phân bố thời gian học tập:* 1 (14, 16, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1 và HP2

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần 3. Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và Ba môn quân sự phối hợp.

(25). Giáo dục quốc phòng – HP4

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (15, 35, 60)

- *Học phần tiên quyết:* Không có

- *Học phần học trước:* HP1, HP2, HP3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; luyện tập ném lựu đạn bài 1; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; ném lựu đạn bài 1; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 TC)

(26). Kinh tế vi mô

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(26, 8, 30)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc

quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

(27). Kinh tế vĩ mô

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

(28). Văn hoá kinh doanh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Văn hoá kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh như : triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, cách thức và kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa cho doanh nghiệp.

(29). Lý thuyết hạch toán kế toán

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Pháp luật đại cương
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận

dùng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

(30). Quản trị học

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra), và một số vấn đề của quản trị học hiện đại như thông tin và ra quyết định quản trị, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi trong quá trình hoạt động của một tổ chức.

(31). Tài chính - Tiền tệ

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần tài chính tiền tệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và tổng quát về Tài chính và tiền tệ; mối liên hệ tương quan trực tiếp giữa các khâu trong hệ thống tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng và tài chính hộ gia đình và thông qua thi trường tài chính.

(32). Kế toán doanh nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Lý thuyết hạch toán kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Kế toán doanh nghiệp là học phần kế toán của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này được bố trí thực hiện sau học phần Lý thuyết hạch toán kế toán và các học phần kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ, và báo cáo tài chính.

(33). Pháp luật kinh tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Luật kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Pháp luật đại cương học phần trang bị cho người học những kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm hai nội dung chính:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật kinh tế Việt Nam và việc áp dụng pháp luật kinh tế trong quản lý nền kinh tế
- Những chế định cơ bản của Luật kinh tế Việt Nam: Pháp luật về chủ thể kinh doanh, pháp luật tài chính, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản và hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật.

(34). Nguyên lý thống kê và thống kê KD

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành trong chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Quản trị kinh doanh. Học phần Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, bao gồm: các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu, các phương pháp tính toán phù hợp nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của toàn ngành kinh tế.

(35). Lịch sử các học thuyết kinh tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị Kinh doanh. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các học thuyết kinh tế cơ bản thời kỳ cổ đại và

trung cổ, các học thuyết kinh tế thời kỳ cuối thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX, học thuyết kinh tế Marx – Lenin, các học thuyết kinh tế hiện đại từ cuối thế kỷ XIX đến nay.

(36). Kế toán quản trị

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Lý thuyết hạch toán kế toán
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho việc lựa chọn hệ thống hạch toán chi phí, phân loại chi phí, phân loại giá thành, quản trị giá thành cho các loại hình doanh nghiệp sản xuất khác nhau. Cung cấp thông tin chi phí để tính điểm hòa vốn, phân tích chi phí – khối lượng – lợi nhuận, sử dụng thông tin để ra các quyết định về cơ cấu chi phí, giá bán, tổ chức quản trị bán hàng và kết quả kinh doanh.

(37). Kinh tế đầu tư

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Kinh tế đầu tư là học phần tự chọn, nằm trong nhóm kiến thức cơ sở ngành về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư. Đồng thời, học phần cũng cung cấp các kiến thức về tổ chức quản lý đầu tư, kế hoạch hóa đầu tư, kết quả và hiệu quả của đầu tư, phương pháp luận về lập các dự án đầu tư phát triển; thẩm định dự án đầu tư.

(38). Kinh tế quốc tế

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Kinh tế quốc tế là học phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tính quy luật của sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia, các hoạt động thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, xu thế phát triển cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay, vấn đề liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế, các chính sách điều chỉnh quá trình vận động, trao đổi

nói trên nhằm vận dụng vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của nền kinh tế Việt Nam trong các mối quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng đa dạng và phức tạp để từ đó làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu cũng như giải quyết hiệu quả các vấn đề kinh tế và quản lý.

(39). Marketing căn bản

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

(40). Quản trị nhân lực

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Quản trị hành chính văn phòng
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị nhân lực là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần Quản trị học, Quản trị hành chính văn phòng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các triết lý quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, bố trí và đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động.

(41). Quản trị tài chính

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Quản trị tài chính là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học ngành quản trị. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Quản trị học và kinh tế vi mô vĩ mô. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mức tiền mặt và tồn kho tối ưu, phân tích thông tin về chi phí để kiểm soát, các biện pháp tiết kiệm chi phí hạ giá

thành, quản trị doanh thu và lợi nhuận trong doanh nghiệp, các chính sách tín dụng bán hàng, khai thác các nguồn tài trợ và đầu tư ngắn hạn hiệu quả nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.

(42). Thực hành quản trị nhân lực

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Quản trị nhân lực
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Quản trị hành chính văn phòng
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Thực hành quản trị nhân lực là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị nhân sự và ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đó vào thực tế quản trị nhân sự trong doanh nghiệp thông qua phần mềm Misa Amis về công tác quản trị nhân lực bao gồm: phân tích công việc, lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, bố trí nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá sự thực hiện công việc của người lao động, thù lao lao động và tìm hiểu Bộ luật lao động, giải quyết các mối quan hệ trong lao động.

(43). Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và dự báo thị trường, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích số liệu, ứng dụng số liệu phân tích vào dự báo nhu cầu thị trường và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu được trong các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược tiếp theo của doanh nghiệp.

(44). Quản trị hành chính văn phòng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị hành chính văn phòng là học phần kiến thức chung của ngành của chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần thuộc kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học quản trị kinh doanh. Học phần quản trị hành chính văn phòng trang bị cho sinh viên những kiến thức về chức năng quản trị hành chính văn phòng, bao gồm hoạch định và tổ chức, điều hành và kiểm tra công việc hành chính văn phòng và các nghiệp vụ hành chính trong các văn phòng doanh nghiệp, bao gồm: công tác văn thư, công tác lưu trữ - hủy bỏ tài liệu, tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác lễ tân soạn thảo các văn bản hành chính.

(45). Quản trị chiến lược

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Marketing căn bản, Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch máy móc thiết bị, kế hoạch khoa học- công nghệ, kế hoạch lao động, kế hoạch vật tư, kế hoạch chi phí giá thành, kế hoạch vốn); đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định của doanh nghiệp.

(46). Quản trị sản xuất

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị sản xuất là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức và kiểm soát quá trình sản xuất trong doanh nghiệp, trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Ngoài phần giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất, học phần tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò và phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo nhu cầu sản phẩm; thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quá trình sản xuất; hoạch định công suất; định vị doanh nghiệp; bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ; hoạch định tổng hợp; điều độ sản xuất; quản trị tồn kho và hoạch định nhu cầu vật tư.

(47). Quản trị bán hàng**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị bán hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Nội dung học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Kỹ thuật bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp.

(48). Thực hành quản trị tài chính**Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần thực hành quản trị tài chính là học phần bắt buộc được bố trí giảng dạy sau học phần Quản trị tài chính. Học phần vận dụng các kiến thức đã học ở học phần quản trị tài chính giúp sinh viên thành thạo trong việc quản lý vốn cố định, vốn lưu động; doanh thu, lợi nhuận, lập bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh. Xây dựng được các chính sách tín dụng bán hàng mang lại lợi ích kinh tế cao nhất. Phân tích khai thác các nguồn vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.

(49). Phân tích hoạt động kinh doanh**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần của chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng; nắm được tình hình sử dụng các nguồn lực đầu vào; kiểm soát chi phí thông qua biến động giá thành sản phẩm; phân tích được quá trình tiêu thụ, lợi nhuận; hiểu được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo tài chính từ đó đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

(50). Quản trị kinh doanh quốc tế**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị kinh doanh quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này được bố trí giảng dạy sau học phần Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, marketing quốc tế, hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế, chiến lược sản xuất, quản trị các yếu tố của hoạt động kinh doanh quốc tế (nhân lực, sản xuất, tài chính), hợp đồng kinh doanh quốc tế.

(51). Quản trị Marketing

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Marketing Căn bản
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Quản trị Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức về marketing và việc ứng dụng các chức năng quản trị vào lĩnh vực marketing gồm: Hoạch định chiến lược marketing; Quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Phân tích môi trường marketing; Phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Các chiến lược cạnh tranh và phát triển; Quản trị các chương trình marketing bao gồm Quản trị sản phẩm và thương hiệu, Quản trị giá bán sản phẩm Quản trị kênh phân phối và Quản trị truyền thông marketing tích hợp; Tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing.

(52). Quản trị du lịch và khách sạn

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị Du lịch và Khách sạn là một môn học sẽ giới thiệu các nghiệp vụ, hình thành những kỹ năng quản trị kinh doanh, kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quản trị du lịch và khách sạn.

Môn học tập trung, phân tích, lý giải và làm rõ các vấn đề về bản chất và đặc điểm của hoạt động kinh doanh du lịch và khách sạn, từ đó chỉ ra mối liên hệ giữa loại hình kinh doanh này với ngành du lịch và ngành kinh tế quốc dân.

Môn học nghiên cứu hoạt động của các quy luật khách quan và sự tác động của chúng đến các yếu tố sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh du lịch và khách sạn. Từ đó đưa ra phương pháp luận cho công tác tổ chức, quản lý và sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào của hoạt động kinh doanh du lịch và khách sạn.

(53). Quản trị chuỗi cung ứng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị chuỗi cung ứng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng; các thành phần của chuỗi cung ứng và những đóng góp của các thành phần này vào hoạt động chung của chuỗi cung ứng; những chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động của một chuỗi cung ứng, ý nghĩa của công nghệ thông tin trong hoạt động của chuỗi, từ đó người học có thể hiểu quản trị chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế và xu thế hội nhập quốc tế trên thế giới hiện nay. Học phần tập trung nghiên cứu sâu về các thành phần của chuỗi cung ứng bao gồm hoạch định, cung ứng và thu mua, sản xuất và phân phối; logistics và vai trò của logistics trong chuỗi cung ứng; các nhóm chỉ số đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng.

(54). Quản trị doanh nghiệp thương mại

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh thương mại và quản trị doanh nghiệp thương mại. Đi sâu vào các hoạt động quản trị trong một doanh nghiệp thương mại dưới hai góc độ:

Quản trị các nghiệp vụ kinh doanh thương mại bao gồm: Nghiên cứu thị trường; Tạo nguồn và mua hàng của doanh nghiệp thương mại; Dự trữ hàng hóa và quản trị hàng tồn kho; Bán hàng và quản trị bán hàng; Dịch vụ khách hàng ở doanh nghiệp thương mại.

Quản trị các yếu tố kinh doanh của doanh nghiệp thương mại: Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp thương mại; Quản trị kỹ thuật công nghệ trong doanh nghiệp thương mại; Quản trị vốn kinh doanh và chi phí kinh doanh của doanh nghiệp thương mại; Quản trị rủi ro trong kinh doanh thương mại.

(55). Quản trị đổi mới sáng tạo

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Kinh tế học vi mô, Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị đổi mới sáng tạo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần bao gồm những nội dung chính sau:

Căn bản về đổi mới sáng tạo thông qua việc tập trung giải thích các khái niệm chính liên quan đến đổi mới sáng tạo và quản trị đổi mới sáng tạo theo quá trình. Đồng thời phân tích vai trò của đổi mới sáng tạo đối với hoạt động kinh doanh và các mô hình đổi mới sáng tạo.

Chiến lược đổi mới sáng tạo thông qua việc cung cấp kiến thức về chiến lược đổi mới sáng tạo; đặc điểm cũng như ưu thế và hạn chế của từng loại hình chiến lược đổi mới để từ đó lựa chọn các chiến lược đổi mới cho doanh nghiệp; nội dung các bước cơ bản của mô hình chiến lược đổi mới trong doanh nghiệp; lựa chọn được các chiến lược đổi mới để đạt mục tiêu.

Thiết kế và phát triển sản phẩm để đổi mới sáng tạo dựa trên khai thác những kiến thức về thiết kế và phát triển sản phẩm mới như quan điểm của các nhà quản trị công nghệ và quản trị đổi mới; công cụ và kỹ thuật cần thiết trong quá trình này như công cụ và kỹ thuật truyền thông, công cụ và kỹ thuật phát triển sản phẩm mới bền vững và công cụ đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án thiết kế, phát triển sản phẩm mới.

Quy trình và thương mại hóa cho đổi mới sáng tạo dựa trên những kiến thức, mô hình căn bản về Thương mại hóa cho sản phẩm đổi mới: quá trình thương mại hóa cho đổi mới trải qua những bước nào, với các sản phẩm đổi mới khác nhau, doanh nghiệp nên lựa chọn các mảng thị trường nào để có thể cạnh tranh. Đồng thời học phần cung cấp cho người học các chiến lược, công cụ cần thiết để tiến hành hoạt động thương mại hóa cho các sản phẩm/dịch vụ đổi mới.

(56). Quản trị nhóm làm việc

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Quản trị học, Kinh tế vi mô
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Quản trị nhóm làm việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thiết thực về nhóm làm việc và kỹ năng làm việc theo nhóm; Quá trình làm việc theo nhóm; Công tác lãnh đạo nhóm; Kỹ năng giao tiếp và thông tin trong nhóm. Tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng: làm việc nhóm, lắng nghe, thuyết trình, đàm phán.

Học phần nhằm giúp sinh viên có nhận thức khoa học về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng làm việc nhóm; hình thành cho sinh viên thái độ giao tiếp, làm việc nhóm tích cực, chủ động. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó sinh viên có được năng lực giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả trong sinh hoạt, học tập và công việc.

(57). Nghệ thuật lãnh đạo

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần cung cấp các kiến thức và những kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh. Bao gồm các nội dung như: Khái niệm lãnh đạo, bản chất, vai trò của lãnh đạo; những tiêu chuẩn cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo; các phương pháp và phong cách lãnh đạo; các kỹ năng lãnh đạo (kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng phân công lao động, kỹ năng giải quyết xung đột trong tổ chức, kỹ năng tạo động lực cho người lao động, kỹ năng ủy quyền...). Môn học không chỉ có giá trị trong công việc mà còn rất hữu ích trong chính cuộc sống hàng ngày của người học.

(58). Thực hành quản trị bán hàng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Quản trị bán hàng

- *Học phần học trước:* Marketing căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý bán hàng, xây dựng mục tiêu và tổ chức lực lượng bán hàng, triển khai bán hàng, đánh giá hiệu quả bán hàng và chăm sóc khách hàng. Với định hướng sinh viên ra trường có thể ứng dụng tốt học phần vào làm việc ở mọi vị trí trong lực lượng bán hàng, học phần còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành các nghiệp vụ bán hàng trên phần mềm Misa Amis nhằm giúp các em có thể tiếp cận với một phần mềm bán hàng hiện đại, có tính ứng dụng cao trong công việc thực tế tại các doanh nghiệp của các em sau này.

(59). Thực hành Marketing trong doanh nghiệp

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Học phần học trước:* Marketing căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Thực hành marketing trong doanh nghiệp giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn thông qua các nội dung cụ thể: Phân tích các yếu tố môi trường marketing, Phân tích thị trường mục tiêu, định vị và các chương trình marketing mix của doanh nghiệp, khảo sát sự hài lòng của khách hàng và xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động marketing cho doanh nghiệp.

(60). Thực hành quản trị kinh doanh quốc tế

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 90)

- *Học phần tiên quyết:* Quản trị kinh doanh quốc tế

- *Học phần học trước:* Quản trị học, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Luật kinh tế

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế là học phần tự chọn phát triển kỹ năng thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành

Quản trị kinh doanh. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh quốc tế, tổ chức cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định theo những nội dung sau: Phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế, chiến lược marketing quốc tế, quản trị các yếu tố của kinh doanh quốc tế, soạn thảo hợp đồng kinh doanh quốc tế.

(61). Tin ứng dụng trong kinh doanh

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Tin ứng dụng trong kinh doanh là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các kiểu dữ liệu trên bảng tính, sắp xếp và đặt lọc dữ liệu, phân tích dữ liệu, tạo bảng tổng hợp để báo cáo, áp dụng các tính năng cao cấp có sẵn để giải một số bài toán tối ưu liên quan đến vật tư, nhân công và tiền lương dựa trên phần mềm bảng tính.

(62). Thực hành quản trị hành chính văn phòng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Quản trị hành chính văn phòng
- *Học phần học trước:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Thực tập quản trị hành chính văn phòng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức phát triển kỹ năng chuyên môn của chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học của học phần lý thuyết “Quản trị hành chính văn phòng” vào thực tiễn công việc thông qua các nội dung cụ thể: nhận diện vai trò của văn phòng, quá trình quản trị hành chính văn phòng (hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra công việc hành chính văn phòng), 1 số nghiệp vụ hành chính văn phòng cơ bản trong các tổ chức (quản trị cơ sở vật chất, công tác văn thư, công tác lễ tân, công tác hội họp, soạn thảo văn bản hành chính).

(63). Quản trị chất lượng

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết:* Không
- *Học phần học trước:* Quản trị học
- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Quản trị chất lượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quản trị chất lượng và hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp, kiểm soát quá trình quản trị chất lượng trong doanh nghiệp,

trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống quản trị chất lượng tối ưu. Ngoài phần giới thiệu tổng quan về quản trị chất lượng, học phần tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò và phương pháp thực hiện các nội dung: Tổng quan về chất lượng sản phẩm/dịch vụ; Quá trình phát triển quản lý chất lượng; Hệ thống quản lý chất lượng; Kiểm tra và đánh giá chất lượng; Các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng; Một số kỹ thuật quản trị chất lượng hiện đại.

(64). Quản trị dự án

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Kinh tế vi mô, Quản trị tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Quản trị dự án là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị & Marketing. Học phần không đi sâu vào nghiên cứu phương pháp luận về lập dự án đầu tư mà tập trung vào nghiên cứu những vấn đề về đối tượng và nội dung quản trị dự án; xem xét các công cụ được sử dụng trong quản trị dự án. Bao gồm các vấn đề như : đặc điểm, mục tiêu, nội dung của quản trị dự án; phân tích các tiêu chí đánh giá và lựa chọn dự án; các mô hình tổ chức quản lý dự án; lập kế hoạch, ước tính ngân sách; các phương pháp quản lý thời gian, chi phí, nguồn lực, rủi ro....

(65). Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh

Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Phân tích hoạt động kinh doanh
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược theo những nội dung sau: sản xuất, tiêu thụ và tài chính.

(66). Thực hành mô phỏng chiến lược

Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Quản trị chiến lược
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Marketing căn bản, Quản trị nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị tài chính
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Thực tập mô phỏng chiến lược là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn, là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại

học ngành Quản trị kinh doanh. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học của học phần lý thuyết Quản trị chiến lược vào thực tiễn thông qua các nội dung cụ thể: nhận diện chiến lược doanh nghiệp đang theo đuổi; phân tích và lựa chọn chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp; đề xuất các chính sách quan trọng phục vụ cho việc tổ chức thực hiện chiến lược; xây dựng các kế hoạch bộ phận để hỗ trợ triển khai một ý tưởng kinh doanh cụ thể.

(67). Thực Tập cuối khoá

Số TC: 5

- *Phân bố thời gian học tập*: 5(0, 300, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần trang bị cho người học kinh nghiệm ứng dụng những lý thuyết quản trị kinh doanh trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như: Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); Đánh giá cơ cấu tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay; Mô tả và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng: Tài chính, Sản xuất, Chất lượng, Marketing, Nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp.

(68). Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 9

- *Phân bố thời gian học tập*: 9(0, 540, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Các yêu cầu của học phần*:
 - + Tích lũy đủ số lượng tín chỉ các học phần theo chương trình đào tạo của ngành quy định (không tính những tín chỉ học để lấy bằng hay chứng chỉ thuộc ngành khác).
 - + Điểm trung bình chung tích lũy tính đến đầu học kỳ cuối cùng đạt từ 2,50 trở lên.
 - + Tính cho đến thời điểm xét, sinh viên chưa lần nào bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
 - + Nhà trường sẽ quy định riêng về số lượng sinh viên được làm KLTN cho từng khóa học, từng ngành học.

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

(69). Thương mại điện tử**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Tin ứng dụng trong kinh doanh
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Thương mại điện tử trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm, các mô hình kinh doanh TMĐT, phân tích khách hàng trên mạng, E-marketing và E-payment, nghiên cứu thị trường thương mại điện tử, cơ sở pháp lý để phát triển TMĐT và một số vấn đề kỹ thuật trong TMĐT. Học phần cũng giới thiệu một số nội dung về công nghệ được sử dụng trong thương mại điện tử như: tối ưu hóa các website thương mại điện tử, quảng bá website thương mại điện tử...

(70). Quản trị thương hiệu**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Quản trị bán hàng, Quản trị Marketing
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Quản trị thương hiệu là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo đại học ngành quản trị. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Quản trị học và kinh tế vi mô vĩ mô. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: cơ bản về thương hiệu, chiến lược xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu, quản trị danh mục thương hiệu, các vấn đề về định giá thương hiệu và bảo vệ thương hiệu trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay ở Việt Nam.

(71). Giao dịch và đàm phán kinh doanh**Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3(36, 18, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị học, Marketing căn bản, Văn hóa kinh doanh
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Giao dịch và đàm phán kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị. Học phần cung cấp những kiến thức về giao tiếp của con người trong lĩnh vực kinh tế; nghiên cứu những hành vi và kỹ năng trong giao tiếp; nghiên cứu hoạt động đàm phán trong kinh doanh, những kỹ thuật tổ chức đàm phán. Nắm được cách thức làm việc theo nhóm; những phương pháp và phong cách lãnh đạo, các kỹ năng lãnh đạo nhằm mang lại thành công trong công việc nói chung và cả trong giao dịch kinh doanh nói riêng. Từ đó khái quát hóa lý luận thành chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật giao dịch, đàm phán.

12. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12.1. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

12.1.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

12.1.2. Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Khung TĐQG	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																			
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	CĐR16	CĐR17	CĐR18	CĐR19	CĐR20
KT1	x																			
KT2		x	x																	
KT3				x	x															
KT4						x	x	x	x	x										
KT5						x	x	x	x	x										
KN1											x	x								
KN2													x	x						
KN3															x					
KN4																x	x	x		
KN5															x	x	x	x		
KN6													x							
TCTN1																			x	
TCTN2																			x	x
TCTN3																			x	
TCTN4																			x	

12.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo

12.2.1. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học kinh tế quốc dân

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Kinh tế Quốc dân. (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	28%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	34%
	1.1. Lý luận chính trị	11	8%	1.1. Lý luận chính trị	11	9%
1	Triết học Mac-Lênin	3		Triết học Mac-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	CNXH Khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Kinh tế Quốc dân. (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1.2. Khoa học xã hội	2	1%	1.2. Khoa học xã hội	18	14%
1	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	3	
				Kinh tế vi mô	3	
				Kinh tế vĩ mô	3	
				Quản trị kinh doanh 1	3	
				Marketing căn bản	3	
				Nguyên lý kế toán	3	
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học	6	4%	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học	6	5%
1	Toán ứng dụng trong kinh tế	3		Toán cho các nhà kinh tế	3	
2	Xác suất thống kê	3		Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	
	1.4. Ngoại ngữ	16	12%	1.4. Ngoại ngữ	9	7%
1	Tiếng Anh 1	4		Ngoại ngữ	9	
2	Tiếng Anh 2	4				
3	Tiếng Anh 3	4				
4	Tiếng Anh 4	4				
	1.5. Kiến thức bổ trợ (Chọn 3 tín chỉ trong các học phần)	3	2%	1.5. Kiến thức bổ trợ	0	0%
1	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
2	Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
3	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	1				
4	Kỹ năng trình diễn vấn đề	2				
5	Soạn thảo văn bản	2				
	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	72%	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	85	66%
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	24	16%	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	12%

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Kinh tế Quốc dân. (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>	20				
1	Kinh tế vi mô	2		Quản trị vận hành	3	
2	Kinh tế vĩ mô	2		Quản trị Marketing	3	
3	Văn hoá kinh doanh	2		Quản trị tài chính	3	
4	Lý thuyết hạch toán kế toán	3		Quản trị nhân lực	3	
5	Quản trị học	3		Quản trị chiến lược	3	
6	Tài chính tiền tệ	3				
7	Kế toán doanh nghiệp	3				
8	Pháp luật kinh tế	2				
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 tín chỉ trong các học phần)</i>	4				
	Nguyên lý thống kê và thống kê KD	2				
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				
2	Kế toán quản trị	2				
3	Kinh tế đầu tư	2				
4	Kinh tế quốc tế	2				
	2.2. Kiến thức chung của ngành	49	36%	2.2. Kiến thức chung của ngành	42	33%
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>	34		<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>	27	
1	Marketing căn bản	3		Quản trị chiến lược 2	3	
2	Quản trị nhân lực	3		Quản trị kinh doanh 2	3	
3	Quản trị tài chính	3		Quản trị vận hành 2	3	
4	Thực hành quản trị nhân lực	3		Quản trị chất lượng	3	
5	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2		Khởi sự kinh doanh	3	
6	Quản trị hành chính văn phòng	3		Đạo đức kinh doanh	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Kinh tế Quốc dân. (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
7	Quản trị chiến lược	3		Quản trị quá trình kinh doanh	3	
8	Quản trị sản xuất	3		Quản trị chi phí kinh doanh	3	
9	Quản trị bán hàng	3		Quản trị đa văn hóa	3	
10	Thực hành Quản trị tài chính	2				
11	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
12	Quản trị kinh doanh quốc tế	3				
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần)</i>	15		<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (SV tự chọn học phần trong tổ hợp)</i>	15	
1	Quản trị Marketing	3		Quản trị doanh nghiệp		
2	Quản trị du lịch và khách sạn	3		Kỹ năng quản trị	3	
3	Quản trị chuỗi cung ứng	3		Quản trị doanh nghiệp	3	
4	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3		Quản trị điều hành		
5	Quản trị đổi mới sáng tạo	3		Quản trị chuỗi cung ứng	3	
6	Quản trị nhóm làm việc	3		Quản trị hậu cần	3	
7	Nghệ thuật lãnh đạo	3		Khởi nghiệp và Phát triển kinh doanh		
8	Thực hành quản trị bán hàng	3		Lập kế hoạch khởi nghiệp	3	
9	Thực hành Marketing trong doanh nghiệp	3		Chiến lược và chính sách kinh doanh bền vững	3	
10	Thực tập quản trị kinh doanh quốc tế	3		Quản trị kinh doanh tổng hợp		
11	Tin ứng dụng trong kinh doanh	3		Ra quyết định kinh doanh	3	
12	Thực hành quản trị hành chính văn phòng	3		Kiểm soát	3	
				Văn hóa doanh nghiệp và Kinh doanh bền vững		
				Văn hóa doanh nghiệp	3	
				Giao tiếp kinh doanh	3	
				Quản trị Chất lượng và Đổi mới		

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Kinh tế Quốc dân. (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Quản trị chất lượng dịch vụ	3	
				Quản trị năng suất	3	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	25	18%	2.3. Kiến thức chuyên ngành (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)	28	22%
1	Quản trị chất lượng	3		Quản trị doanh nghiệp		
2	Quản trị dự án	3		Quản trị công ty	3	
3	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2		Nghiên cứu kinh doanh	3	
4	Thực hành mô phỏng chiến lược	3		Quản trị điều hành		
5	Thực Tập cuối khoá ngành QTMK	5		Quản trị điều hành dự án	3	
6	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTMK	9		Quản trị văn phòng	3	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh		
1	Thương mại điện tử	3		Tập lập doanh nghiệp khởi nghiệp	3	
2	Quản trị thương hiệu	3		Tái lập doanh nghiệp	3	
3	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3		Quản trị kinh doanh tổng hợp		
				Quản trị giám sát	3	
				Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	3	
				Văn hóa doanh nghiệp và Kinh doanh bền vững		
				Tư duy sáng tạo và thiết kế	3	
				Kinh doanh quốc tế	3	
				Quản trị Chất lượng và Đổi mới		
				Quản trị đổi mới trong kinh doanh	3	
				Tiêu chuẩn hóa	3	
				Khóa luận tốt nghiệp	10	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Kinh tế Quốc dân. (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Tổng tín chỉ CTĐT	136		Tổng tín chỉ CTĐT	129	

(Nguồn: https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/23.%20Ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kinh%20doanh_CT%C4%90T%202021.pdf)

12.2.2. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Đại học Thương mại

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Thương mại (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	28%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	29	24%
	1.1. Lý luận chính trị	11	8%	1.1. Lý luận chính trị	11	9%
1	Triết học Mac-Lênin	3		Triết học Mac-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	CNXH Khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
	1.2. Khoa học xã hội	2	1%	1.2. Khoa học xã hội	2	2%
1	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	2	
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học	6	4%	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học	8	7%
1	Toán ứng dụng trong kinh tế	3		Toán đại cương	3	
2	Xác suất thống kê	3		Tin học quản lý	3	
				Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
	1.4. Ngoại ngữ	16	12%	1.4. Ngoại ngữ	6	5%
1	Tiếng Anh 1	4		Tiếng Anh 1	2	
2	Tiếng Anh 2	4		Tiếng Anh 2	2	
3	Tiếng Anh 3	4		Tiếng Anh 3	2	
4	Tiếng Anh 4	4				

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Thương mại (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1.5. Kiến thức bổ trợ (Chọn 3 tín chỉ trong các học phần)	3	2%	1.5. Kiến thức bổ trợ (Chọn 2 tín chỉ trong các học phần)	2	2%
1	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1		Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
2	Kỹ năng nhận thức bản thân	1		Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	
3	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	1				
4	Kỹ năng trình diễn vấn đề	2				
5	Soạn thảo văn bản	2				
	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	72%	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	91	76%
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	24	16%	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	28	23%
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>	<i>20</i>		<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>	<i>17</i>	
1	Kinh tế vi mô	2		Kinh tế học	3	
2	Kinh tế vĩ mô	2		Marketing căn bản	3	
3	Văn hoá kinh doanh	2		Tâm lý quản trị kinh doanh	2	
4	Lý thuyết hạch toán kế toán	3		Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp	2	
5	Quản trị học	3		Quản trị học	3	
6	Tài chính tiền tệ	3		Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	
7	Kế toán doanh nghiệp	3		Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	
8	Pháp luật kinh tế	2				
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 tín chỉ trong các học phần)</i>	<i>4</i>		<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau:)</i>	<i>11</i>	
1	Nguyên lý thống kê và thống kê KD	2		Nguyên lý thống kê	3	
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2		Nhập môn Tài chính tiền tệ	3	
3	Kế toán quản trị	2		Thương mại điện tử căn bản	3	
4	Kinh tế đầu tư	2		Nguyên lý kế toán	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Thương mại (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
5	Kinh tế quốc tế	2		Kinh tế thương mại đại cương	2	
		2		Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	2	
	2.2. Kiến thức chung của ngành	49	36%	2.2. Kiến thức chung của ngành (bao gồm chuyên ngành)	41	34%
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>	<i>34</i>		<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>	<i>30</i>	
1	Marketing căn bản	3		Quản trị dự án	3	
2	Quản trị nhân lực	3		Quản trị nhân lực căn bản	3	
3	Quản trị tài chính	3		Quản trị tài chính 1	3	
4	Thực hành quản trị nhân lực	3		Mua và quản trị nguồn cung	3	
5	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2		Khởi sự kinh doanh	2	
6	Quản trị hành chính văn phòng	2		Quản trị công ty	3	
7	Quản trị chiến lược	3		Quản trị chiến lược	3	
8	Quản trị sản xuất	3		Quản trị sản xuất	3	
9	Quản trị bán hàng	3		Quản trị bán hàng	3	
10	Thực hành Quản trị tài chính	3		Quản trị rủi ro	2	
11	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		Văn hóa kinh doanh	2	
12	Quản trị kinh doanh quốc tế	3				
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần)</i>	<i>15</i>		<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau:)</i>	<i>11</i>	
1	Quản trị Marketing	3		Quản trị Marketing 1	3	
2	Quản trị du lịch và khách sạn	3		Quản trị thương hiệu 1	3	
3	Quản trị chuỗi cung ứng	3		Quản trị chất lượng	3	
4	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3		Quản trị logistics kinh doanh	3	
5	Quản trị đổi mới sáng tạo	3		Quản trị đổi mới sáng tạo	3	
6	Quản trị nhóm làm việc	3		Quản trị dịch vụ	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Thương mại (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
7	Nghệ thuật lãnh đạo	3		Quản trị hành chính văn phòng	2	
8	Thực hành quản trị bán hàng	3		Quản trị nhóm làm việc	2	
9	Thực hành Marketing trong doanh nghiệp	3				
10	Thực hành quản trị kinh doanh quốc tế	3				
11	Tin ứng dụng trong kinh doanh	3				
12	Thực hành quản trị hành chính văn phòng	3				
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	25	18%			
1	Quản trị chất lượng	3				
2	Quản trị dự án	3				
3	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	2				
4	Thực hành mô phỏng chiến lược	3				
5	Thực Tập cuối khoá	5		Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	3	
	Khóa luận tốt nghiệp	9		Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	7	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
1	Thương mại điện tử	3				
2	Quản trị thương hiệu	3				
3	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3				
		0	0%	2.4. Kiến thức bổ trợ (Chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau:)	12	10%
				Các học phần bắt buộc	6	
				Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	
				Luật kinh tế 1	3	
				Các học phần tự chọn (Chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau:)	6	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Thương mại (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Thị trường chứng khoán	3	
				Kế toán quản trị doanh nghiệp	3	
				Quản lý nhà nước về kinh tế	3	
				Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	
	Tổng tín chỉ CTĐT	136		Tổng tín chỉ CTĐT	120	

(<https://quantrikinhdoanh.tmu.edu.vn/vi/news/dao-tao/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-nganh-quan-tri-kinh-doanh-nam-2019-195.html>)

12.2.3. So sánh CTĐT với CTĐT tương ứng của Trường Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	28%	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	50	36%
	1.1. Lý luận chính trị	11	8%	1.1. Lý luận chính trị	11	8%
1	Triết học Mác-Lênin	3		Triết học Mác-Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	
3	CNXH Khoa học	2		CNXH Khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
	1.2. Khoa học xã hội	2	1%	1.2. Khoa học xã hội	9	6%
1	Pháp luật đại cương			1.2.1. Kiến thức bắt buộc	9	
		2		Kinh tế vĩ mô	3	
				Kinh tế vi mô	3	
				1.2.2. Kiến thức tự chọn (1 trong 2 môn)	3	
				Xã hội học	3	
				Tâm lý học	3	
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học	6	4%	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học	13	9%

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
1	Toán ứng dụng trong kinh tế	3		Thuật toán trong Kinh doanh	4	
2	Xác suất thống kê	3		Thống kê trong kinh doanh	3	
				Phương pháp định lượng trong kinh doanh	3	
				Tin học quản lý	3	
	1.4. Ngoại ngữ	16	12%	1.4. Ngoại ngữ	8	6%
	Tiếng Anh 1	4		Anh văn chuyên ngành 1	4	
	Tiếng Anh 2	4		Anh văn chuyên ngành 2	4	
	Tiếng Anh 3	4				
	Tiếng Anh 4	4				
	1.5. Kiến thức bổ trợ	3	2%	1.5. Kiến thức bổ trợ	0	0%
	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1				
	Kỹ năng nhận thức bản thân	1				
	Kỹ năng nghề nghiệp - QTKD	1				
	Kỹ năng trình diễn vấn đề	2				
	Soạn thảo văn bản	1				
		0	0	1.6. Kiến thức nhân văn – nghệ thuật	9	6%
				<i>1.6.1. Kiến thức bắt buộc</i>	6	
				Pháp luật Việt Nam đại cương	3	
				Tư duy lý luận	3	
				<i>1.6.2. Kiến thức tự chọn (1 trong 2 môn)</i>	3	
				Lịch sử và Văn hóa VN	3	
				Địa lý kinh tế thế giới	3	
	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	72%	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	89	64%
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	24	16%	2.1. Kiến thức cơ sở ngành	33	24%
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>	20		Thảo luận chuyên đề 1	3	
1	Kinh tế vi mô	2		Đạo đức kinh doanh	3	
2	Kinh tế vĩ mô	2		Giao tiếp trong kinh doanh	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
3	Văn hoá kinh doanh	2		Kinh tế quốc tế	3	
4	Lý thuyết hạch toán kế toán	3		Kế toán tài chính	3	
5	Quản trị học	3		Quản trị tài chính	3	
6	Tài chính tiền tệ	3		Hành vi tổ chức	3	
7	Kế toán doanh nghiệp	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
8	Pháp luật kinh tế	2		Nguyên lý tiếp thị	3	
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 4 tín chỉ trong các học phần)</i>	3		Nguyên lý quản trị	3	
1	Nguyên lý thống kê và thống kê KD	2		Quản trị kinh doanh đại cương	3	
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				
3	Kế toán quản trị	2				
4	Kinh tế đầu tư	2				
5	Kinh tế quốc tế	2				
	2.2. Kiến thức chung của ngành	49	36%	2.2. Kiến thức chung của ngành		21% ÷ 23%
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>	<i>34</i>		<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		
1	Marketing căn bản	3		Hướng quản trị doanh nghiệp	29	21%
2	Quản trị nhân lực	3		Sáng lập doanh nghiệp	3	
3	Quản trị tài chính	3		Quản trị chất lượng	3	
4	Thực hành quản trị nhân lực	3		Quản trị nguồn nhân lực	3	
5	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2		Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	3	
6	Quản trị hành chính văn phòng	2		Quản trị dự án	3	
7	Quản trị chiến lược	3		Luật kinh doanh	3	
8	Quản trị sản xuất	3		Quản trị sản xuất	3	
9	Quản trị bán hàng	3		Quản trị chiến lược	3	
10	Thực hành Quản trị tài chính	3		Khoa học môi trường	3	
11	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		Thảo luận chuyên đề ngành quản trị doanh nghiệp	2	
12	Quản trị kinh doanh quốc tế	3		Hướng kinh doanh quốc tế	26	19%

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
				Quản trị tài chính quốc tế	3	
				Quản trị tiếp thị quốc tế	3	
				Quản trị xuất nhập khẩu	3	
				Luật kinh doanh	3	
				Quản trị sản xuất	3	
				Quản trị chiến lược	3	
				Khoa học môi trường	3	
				Thảo luận chuyên đề kinh doanh quốc tế	2	
				Hướng tiếp thị	26	19%
				Hành vi khách hàng	3	
				Nghiên cứu tiếp thị	3	
				Chiến lược tiếp thị	3	
				Quản trị tiếp thị quốc tế	3	
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần)	15		Luật kinh doanh	3	
1	Quản trị Marketing	3		Quản trị sản xuất	3	
2	Quản trị du lịch và khách sạn	3		Quản trị chiến lược	3	
3	Quản trị chuỗi cung ứng	3		Khoa học môi trường	3	
4	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3		Thảo luận chuyên đề về ngành tiếp thị	2	
5	Quản trị đổi mới sáng tạo	3		Hướng quản trị Du lịch – Khách sạn	32	23%
6	Quản trị nhóm làm việc	3		Tổng quan ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	3	
7	Nghệ thuật lãnh đạo	3		Quản trị nguồn nhân lực	3	
8	Thực hành quản trị bán hàng	3		Các vấn đề pháp lý trong Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	3	
9	Thực hành Marketing trong doanh nghiệp	3		Kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	3	
10	Thực hành quản trị kinh doanh quốc tế	3		Quản trị ẩm thực	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
11	Tin ứng dụng trong kinh doanh	3		Nghiệp vụ phục vụ chuyên nghiệp	3	
12	Thực hành quản trị hành chính văn phòng	3		Quản lý và điều hành bộ phận buồng	3	
				Quản lý và điều hành bộ phận tiền sảnh	3	
				Kinh doanh và tiếp thị dịch vụ khách hàng trong ngành quản trị Khách sạn – Nhà hàng	3	
				Quản lý và điều hành khách sạn	3	
				Thảo luận chuyên đề về ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	2	
				2.2.2. Kiến thức lựa chọn		
				Hướng quản trị doanh nghiệp	3	2%
				Hệ thống thông tin quản lý	3	
				Thương mại điện tử	3	
				Hướng quản trị kinh doanh quốc tế	3	2%
				Hệ thống thông tin quản lý	3	
				Thương mại điện tử	3	
				Hướng tiếp thị	3	2%
				Hệ thống thông tin quản lý	3	
				Thương mại điện tử	3	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành	25	18%	2.3. Kiến thức chuyên ngành		
1	Quản trị chất lượng			2.3.1. Kiến thức tự chọn (chọn 3 hoặc 4 môn từ các môn sau)		
2	Quản trị dự án	3		Hướng quản trị doanh nghiệp	9	6%
3	Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	3		Quản lý bán hàng	3	
4	Thực hành mô phỏng chiến lược	2		Quản lý dịch vụ khách hàng	3	
5	Thực Tập cuối khoá	3		Quản trị tài chính quốc tế	3	
	Khóa luận tốt nghiệp	5		Kỹ năng lãnh đạo	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	9		Mô phỏng chiến lược kinh doanh	3	
1	Thương mại điện tử			Chuyên đề nghiên cứu	3	
2	Quản trị thương hiệu	3		Quản trị kinh doanh quốc tế	3	
3	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3		Thiết kế và thay đổi tổ chức	3	
		3		Đàm phán và quản trị quan hệ	3	
				Quản trị rủi ro	3	
				Nhượng quyền thương mại	3	
				Thực tập chuyên sâu	3	
				Thảo luận chuyên đề ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành tiếp thị	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành tài chính	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành kinh doanh quốc tế	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành kế toán	2	
				Hướng Kinh doanh quốc tế	12	9%
				Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
				Quản trị thương hiệu	3	
				Quản lý chiến lược toàn cầu	3	
				Kỹ năng lãnh đạo	3	
				Mô phỏng chiến lược kinh doanh	3	
				Chuyên đề nghiên cứu khoa học	3	
				Luật kinh doanh quốc tế	3	
				Kiểm soát doanh nghiệp	3	
				Đàm phán và quản trị quan hệ	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Thực tập chuyên sâu	3	
				Quản trị rủi ro	3	
				Nhượng quyền thương mại	3	
				Sáng lập doanh nghiệp	3	
				Quản trị đa văn hóa	3	
				Quản trị nguồn nhân lực	3	
				Thảo luận chuyên đề ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành Quản trị doanh nghiệp	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành tài chính	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành tiếp thị	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành kế toán	2	
				Hướng Tiếp thị	12	9%
				Quản lý bán hàng	3	
				Quản trị dự án	3	
				Tiếp thị giữa các doanh nghiệp	3	
				Quản trị thương hiệu	3	
				Mô phỏng chiến lược kinh doanh	3	
				Chuyên đề Nghiên cứu khoa học	3	
				Quảng cáo và quan hệ công chúng	3	
				Quản trị bán lẻ	3	
				Tiếp thị tương tác	3	
				Lập kế hoạch sản phẩm mới	3	
				Nhượng quyền thương mại	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Quản trị quan hệ khách hàng	3	
				Kênh tiếp thị	3	
				Thực tập chuyên sâu	3	
				Thảo luận chuyên đề ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành Quản trị doanh nghiệp	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành tài chính	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành kinh doanh quốc tế	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành kế toán	2	
				Hướng Quản trị Du lịch – Khách sạn	9	6%
				Luật kinh doanh	3	
				Sáng lập doanh nghiệp	3	
				Vệ sinh an toàn thực phẩm trong Khách sạn – Nhà hàng	3	
				Tổ chức và quản lý du lịch tàu biển	3	
				Quản lý hội nghị và tổ chức sự kiện	3	
				Quản lý thiết bị khách sạn	3	
				Quản lý chất lượng trong khách sạn và nhà hàng	3	
				Quản lý dịch vụ khách hàng	3	
				Kỹ năng giám sát trong Khách sạn – Nhà hàng	3	
				Quản lý doanh thu	3	
				Quản lý và phát triển khu nghỉ dưỡng	3	
				Kiểm soát chi phí trong dịch vụ ẩm thực	3	
				Thực tập chuyên sâu	3	

TT	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (Ngành: Quản trị kinh doanh)			Đại học Quốc tế - ĐHQGTP.HCM (Ngành: Quản trị kinh doanh)		
	Học phần	Số TC	Tỷ lệ	Học phần	Số TC	Tỷ lệ
				Thảo luận chuyên đề ngành tài chính	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành quản trị doanh nghiệp	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành kinh doanh quốc tế	2	
				Thảo luận chuyên đề ngành tiếp thị	2	
				Thảo luận chuyên đề kế toán	2	
				<i>2.2.2. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (bắt buộc)</i>	15	11%
				- Thực tập tốt nghiệp	3	
				- Luận văn tốt nghiệp	12	
	Tổng tín chỉ CTĐT	136		Tổng tín chỉ CTĐT	139	

(Nguồn: <https://tuyensinh.hcmiu.edu.vn/tra-cuu/quan-tri-kinh-doanh/>)

Bảng tổng hợp đối sánh chương trình đào tạo
(Không tính số lượng tín chỉ GDTC & QDQP trong CTĐT)

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Kinh tế quốc dân	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Thương mại	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TPHCM
1. Tổng số tín chỉ	136 tín chỉ	129 tín chỉ	120 tín chỉ	139 tín chỉ
2. Kiến thức đại cương	38 tín chỉ	44 tín chỉ	29 tín chỉ	50 tín chỉ
3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98 tín chỉ	85 tín chỉ	91 tín chỉ	89 tín chỉ
+ Kiến thức cơ sở ngành	24 tín chỉ	15 tín chỉ	29 tín chỉ	33 tín chỉ
+ Kiến thức ngành	49 tín chỉ	42 tín chỉ	40 tín chỉ	32 tín chỉ
+ Kiến thức chuyên sâu	16 tín chỉ	18 tín chỉ	12 tín chỉ (kiến thức bổ trợ chuyên sâu)	12 tín chỉ
+ Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế khoá luận)	9 tín chỉ (hoặc 3 học phần)	10 tín chỉ (bắt buộc đối tất cả sinh viên)	10 tín chỉ (bắt buộc)	12 tín chỉ
4. Các chuyên ngành hẹp (nếu có)	Không có	Định hướng: Quản trị doanh nghiệp Quản trị điều hành Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh Quản trị kinh doanh tổng	Không có	Định hướng: Quản trị doanh nghiệp Kinh doanh quốc tế Tiếp thị Quản trị khách sạn – Nhà hàng

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Kinh tế quốc dân	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Thương mại	CTĐT ngành QTKD Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TPHCM
		hợp Văn hoá doanh nghiệp và kinh doanh bền vững Quản trị chất lượng và đổi mới		
5. Phương pháp giảng dạy/học tập	Dạy bằng tiếng Việt, phương pháp giảng dạy rèn luyện học viên khả năng tự học. Giảng viên là người hướng dẫn học, hướng dẫn học viên đi tìm tri thức. Lớp học là môi trường giao tiếp giảng viên – học viên, học viên – học viên, tạo mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân để chiếm lĩnh tri thức mới.	Dạy bằng tiếng Việt, phương pháp giảng dạy chủ động, lấy người học làm trung tâm để tổ chức hoạt động giảng dạy. Người học là đối tượng của hoạt động dạy, đồng thời là chủ thể của hoạt động học. Người học được cuốn hút vào các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức, thông qua đó chủ động khám phá tri thức.	Dạy bằng tiếng Việt, phương pháp giảng dạy sử dụng đa dạng phương pháp giảng dạy và học tập nhằm rèn luyện học viên khả năng tự học. Để đảm bảo đánh giá chính xác quá trình học tập mỗi học phần đều được xây dựng Rubrics để đánh giá từng loại điểm.	Dạy bằng tiếng Việt với giáo trình tăng cường song ngữ với tiếng Anh, định hướng thông thạo tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh. Phương pháp giảng dạy tập chung vào việc phát huy tính chủ động của người học, giảng viên đứng lớp với vai trò hướng dẫn học – nghiên cứu.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

13.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Theo Quyết định 392/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

13.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

